

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2021/HS-ST**

Ngày: 25/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Tường.

2/ Ông Nguyễn Đình Khởi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kim Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2021/TLST – HS ngày 27 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Đức T**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1968 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Đức K (đã chết) và bà: Hồ Thị H (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị N, có 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 22/3/2020 bị Hạt kiểm lâm huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Quyết định số 0001222/QĐ-XPVPHC ngày 22/3/2020 về hành vi “Mua lâm sản trái phép và vận chuyển lâm sản trái pháp luật” (chưa thi hành); Nhân thân: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 16/7/2021 bị cáo Hồ Đức T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SWM, loại xe Angel-100, sơn màu xanh đen, số khung RLGMA10ED4H302056 và số máy VMEVA2014917, không có biển kiểm soát, phía sau gắn xe kéo tự chế lên xã C, huyện Q với mục đích tìm mua gỗ về làm nhà ở. Tại khu vực ngã ba xã C, bị cáo mua được với một người đàn ông không quen biết, không rõ họ tên, địa chỉ 13 tấm gỗ với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), với sự hỗ trợ của người đàn ông bán gỗ bị cáo đã bóc toàn bộ số gỗ mua được lên xe kéo tự chế đưa về nhà sử dụng. Đến khoảng 2 giờ 35 phút, ngày 17/7/2021 khi Hồ

Đức T vận chuyển số gỗ trên đến khu vực bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác của công an huyện Quỳnh Hợp phối hợp với Công an xã C kiểm tra, phát hiện hành vi vận chuyển trái phép lâm sản của mình và bị lập biên bản, thu giữ những vật chứng có liên quan.

Tại biên bản xác định lý lịch, khối lượng gỗ và lấy mẫu đi giám định, lập ngày 12/8/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xác định: Tổng khối lượng gỗ quy tròn là $0,87 \times 1,6 = 1,392\text{m}^3$ (Một phẩy ba trăm chín mươi hai mét khối). Sau khi tiến hành đo, xác định khối lượng, chủng loại gỗ đã lấy 13 (mười ba) mẫu gỗ, được cắt ra từ 13 (mười ba) tấm gỗ đánh số thứ tự từ 01 đến 13 và cho 13 (mười ba) mẫu gỗ vào trong 13 (mười ba) túi Polyetylen màu đỏ gửi đi giám định.

Kết luận giám định số: 440/CNR-VP, ngày 10/9/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, kết luận:

“1) Mẫu vật giám định là gỗ:

Căn cứ các đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi của các thành phần cấu tạo cơ bản mỗi mẫu vật giám định, kết luận: *toàn bộ 13 mẫu vật giám định là gỗ.*

2) *Tính đồng nhất về chủng loại gỗ:*

Căn cứ đặc điểm cấu tạo thô đại quan sát được bằng mắt thường và kính lúp cầm tay, kính lúp soi nổi của mỗi mẫu gỗ giám định, kết luận: *có hai chủng loại gỗ khác nhau, cụ thể:*

- *Chủng loại gỗ thứ nhất* gồm 10 mẫu, từ mẫu vật số 01 đến mẫu vật số 10, số đăng ký lần lượt từ 14859-1 đến 14859-10.

- *Chủng loại gỗ thứ hai* gồm 03 mẫu, từ mẫu vật số 11 đến mẫu vật số 13, số đăng ký lần lượt từ 14859-11 đến 14859-13.

3) *Tên loại gỗ:*

Chủng loại gỗ thứ nhất: Căn cứ các đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi của mẫu phân tích có ký hiệu: 06, số đăng ký 14859-6 được chọn ngẫu nhiên từ 10 mẫu giám định thuộc chủng loại gỗ thứ nhất để phân tích, kiểm tra so sánh với mẫu tham chiếu và tài liệu, kết luận:

Tên khoa học: ***Vatica odorata* (Griff.) Symingt.**

Tên Việt Nam: **Táo trắng.**

Chủng loại gỗ thứ hai: Căn cứ các đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi của mẫu phân tích có ký hiệu 12, số đăng ký 14859-12 được chọn ngẫu nhiên từ 03 mẫu giám định thuộc chủng loại gỗ thứ hai để phân tích, kiểm tra so sánh với mẫu tham chiếu và tài liệu, kết luận:

Tên khoa học: ***Cinnamomum iners* Reinw. Ex Blume**

Tên Việt Nam: **Quế lợn**

4) *Nhóm gỗ, danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm:*

- Loại gỗ Táo trắng (*Vatica odorata*) và Quế lợn (*Cinnamomum iners*) không có tên trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ Lâm nghiệp – nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Loài cây gỗ Táo trắng (*Vatica odorata*) và Quế lợn (*Cinnamomum iners*) không có tên trong “*Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của

Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

5) Tình trạng bảo tồn:

Loài cây gỗ Táu trắng (*Vatica odorata*) và Quế lợn (*Cinnamomum iners*) không có tên trong “Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.”

Công văn số 469/CNR-VP ngày 23/9/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, kết luận:

Gỗ Táu trắng (*Vatica odorata*) và Quế lợn (*Cinnamomum iners*) là lâm sản.

Gỗ Táu trắng (*Vatica odorata*) và Quế lợn (*Cinnamomum iners*) là gỗ loài thực vật thông thường (theo khoản 5, Điều 3 của Thông tư số 27/2016/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy suất nguồn gốc lâm sản).

Bản cáo trạng số: 77/CT-VKSQH, ngày 25/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, truy tố bị cáo Hồ Đức T về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm m khoản 1 điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Đức T từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng. Buộc bị cáo Hồ Đức T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo, do không xác định được thông tin đăng ký và chủ sở hữu chiếc xe, nên cần giao lại cho cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định. Chiếc xe kéo tự chế là tài sản của bị cáo cần xem xét trả lại cho bị cáo.

Số lượng gỗ thu giữ của bị cáo gồm 13 tấm gỗ (03 tấm gỗ Quế lợn và 10 thanh hoành gỗ Táu trắng) có khối lượng là 0,87m³, khối lượng gỗ quy tròn là 1,392m³ đề nghị tịch thu bán đấu giá sung quỹ Nhà nước.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ Biên bản sự việc, biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính và biên bản xác minh về việc chấp hành việc xử phạt; Biên bản xác định lý lịch, khối lượng gỗ và lấy mẫu đi giám định; Kết luận giám định, công văn trả lời của đơn vị có thẩm quyền giám định; Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định.

Khoảng 2 giờ 35 phút, ngày 17/7/2021 tại khu vực bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tổ công tác Công an huyện Q kiểm tra, phát hiện bị cáo Hồ Đức T có hành vi vận chuyển trái phép lâm sản gồm 13 tấm gỗ (03 tấm gỗ Quế lợn và 10 tấm gỗ Táu trắng), thuộc loài thực vật rừng thông thường có khối lượng 0,67m³, khối lượng gỗ quy tròn là 1,392m³. Tuy khối lượng gỗ bị cáo mua và vận chuyển trái phép không lớn, nhưng bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “Mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật”, bị Hạt kiểm lâm huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo quyết định số 0001222/QĐ-XPVPHC ngày 22/3/2020 (đến ngày 17/7/2021 chưa thi hành), do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự, theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần buộc bị cáo chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi, hậu quả do mình gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và giáo dục phòng ngừa chung. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện của mình, bị cáo phạm tội với mục đích để làm nhà ở, số lượng gỗ không lớn, có đơn xác nhận quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, xét thấy không cần thiết

buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe, việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và để cho bị cáo có cơ hội tự mình sửa chữa vi phạm, qua đó thể hiện được tính nhân văn của pháp luật Nhà nước ta, nên cần xem xét cho bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng cũng đủ nghiêm.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đó là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định, khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước. Theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo có mức thu nhập trung bình hàng tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), do đó xem xét khấu trừ mức 5% mỗi tháng, tương ứng với số tiền 200.000 đồng/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Đối với người đàn ông bán gỗ cho bị cáo, qua điều tra không xác minh được họ tên, địa chỉ cụ thể, nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên bị cáo là lao động tự do, chủ yếu sản xuất nông nghiệp, nguồn thu nhập không cao, đã bị xem xét khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô không có biển kiểm soát, có nhãn hiệu SYM, số loại Angel - 100, sơn màu xanh - đen, có số khung RLGMA10ED4H302056 và số máy VMEVA2014917 mà bị cáo sử dụng bị thu giữ, quá trình điều tra xác định không có giấy tờ mua bán, không có thông tin đăng ký phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành và không xác định được chủ sở hữu nên cần giao cho cơ quan Công an có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Đối với chiếc xe kéo tự chế là tài sản của gia đình bị cáo, không thường xuyên sử dụng vào mục đích chở lâm sản trái phép, nên cần xem xét trả lại.

Số lượng gỗ gồm 13 tấm gỗ (03 tấm gỗ Quế lợn và 10 tấm gỗ Táu trắng), thuộc loài thực vật rừng thông thường có khối lượng 0,67m³, khối lượng gỗ quy tròn là 1,392m³ thu giữ của bị cáo là tang vật vi phạm, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo quy định.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hồ Đức T** phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ vào điểm m khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Đức T **18 (Mười tám) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo mỗi tháng là **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo về cho UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An là nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Giao 01 (một) chiếc xe mô tô không có biển kiểm soát, có nhãn hiệu SYM, số loại Angel – 100, sơn màu xanh – đen, có số khung RLGMA10ED4H302056 và số máy VMEVA2014917, xe đã qua sử dụng cho cơ quan Công an huyện Q, tỉnh Nghệ An xử lý theo quy định.

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước đối với số gỗ gồm 13 tấm gỗ (03 tấm gỗ Quế lợn và 10 tấm gỗ Táu trắng), thuộc loài thực vật rừng thông thường có khối lượng 0,67m³, khối lượng gỗ quy tròn là 1,392m³ thu giữ của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Hồ Đức T 01 chiếc xe kéo tự chế đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 27/10/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp).

3. Án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hồ Đức T chịu án phí Hình sự sơ thẩm **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Đông Hợp, huyện Quỳnh Hợp, NA;
- Bị cáo;
- lưu HS, VP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông